

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 104/HĐND-PC  
V/v đăng tải dự thảo nghị quyết  
của Hội đồng nhân dân tỉnh

An Giang, ngày 13 tháng 7 năm 2022

Kính gửi: Ban Biên tập Cổng Thông tin điện tử tỉnh An Giang

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh đã xây dựng dự thảo Nghị quyết ban hành Quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang.

Nhằm đảm bảo quy trình xây dựng nghị quyết theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ban Biên tập Cổng Thông tin điện tử tỉnh An Giang đăng tải nội dung dự thảo Nghị quyết và dự thảo Quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh **đến hết ngày 15 tháng 8 năm 2022** để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến.

Rất mong nhận được sự quan tâm phối hợp của quý cơ quan./.

Nơi nhận: *Wb*

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Thông tin - Dân nguyện.(H)

**TM. BAN PHÁP CHẾ  
TRƯỞNG BAN**



*Wb*  
**Võ Minh Hoàng**

Số: /TTr-PC

An Giang, ngày tháng năm 2022

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước  
của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang, như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Cơ sở thực tiễn**

Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 được ban hành trên cơ sở kế thừa những quy định của Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2000 và bổ sung những quy định mới nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước trong tình hình hiện nay, đồng thời, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

Trong những năm qua, công tác bảo vệ bí mật nhà nước đã được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cấp, các ngành chú trọng, tập trung chỉ đạo thực hiện. Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh đã tích cực triển khai thực hiện, đạt nhiều kết quả quan trọng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước. Tình hình an ninh chính trị, an ninh nội bộ được đảm bảo, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đảm bảo an ninh quốc gia nói chung và an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh An Giang nói riêng.

Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, đòi hỏi việc bảo vệ bí mật nhà nước cần phải được quan tâm chỉ đạo, quản lý từ khâu soạn thảo, in ấn, gửi nhận văn bản điện tử, sử dụng chữ ký số nhằm đảm bảo thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước được sử dụng đúng quy định và không bị lộ, bị mất. Trước tình hình đó, đòi hỏi phải có những giải

pháp mạnh mẽ, quyết liệt để bảo vệ bí mật nhà nước, cụ thể là ban hành văn bản quy phạm pháp luật về Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước.

## **2. Căn cứ pháp lý**

Về thẩm quyền ban hành nghị quyết: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo tuân thủ các quy định sau:

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019

+ Điểm a, khoản 1, Điều 19: Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh.

+ Điểm a, khoản 7, Điều 19: Quyết định biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật.

- Điểm c, khoản 3, Điều 24 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018: Ban hành và tổ chức thực hiện quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức, địa phương.

- Khoản 1, Điều 27 Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; sửa đổi, bổ sung ngày 18 tháng 6 năm 2020: Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

Do đó, nghị quyết ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang được ban hành giúp cụ thể hóa những quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 là đúng thẩm quyền, cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Xây dựng Nghị quyết ban hành Quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang nhằm hướng dẫn thống nhất, cụ thể việc tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh, được quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018; quy định chi tiết về xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước; sao, chụp, thống kê, lưu giữ, bảo quản, vận chuyển, giao, nhận, mang ra khỏi nơi lưu giữ, tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước; tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước; điều chỉnh độ mật, giải mật; trách nhiệm của đơn vị, cá nhân trong tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang được ban hành để quy định về hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang. Những nội dung không quy định trong Quy chế này

được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ bí mật nhà nước.

## **2. Quan điểm xây dựng nghị quyết**

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật.

- Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 28 tháng 02 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Đảm bảo công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng nghị quyết.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện Công văn số 60/HĐND-TT ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị lãnh đạo Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh nghiên cứu, tham mưu Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng dự thảo tờ trình, Nghị quyết ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh; thực hiện kết luận của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh tại cuộc họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc thống nhất Tờ trình của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành Quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang. Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh đã tiến hành nghiên cứu, xây dựng dự thảo tờ trình và dự thảo Nghị quyết ban hành quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang. Dự thảo nghị quyết đã được lấy ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp; đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, cổng Thông tin điện tử Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## **IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

### **1. Bố cục**

Nghị quyết ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang được thực hiện theo Mẫu 17 của Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## **2. Nội dung dự thảo quy chế kèm theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh**

Dự thảo quy chế được xây dựng gồm 04 Chương, 21 Điều, cụ thể hóa các quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018; Nghị định số 26/2020/NĐ-CP, ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước, cụ thể:

**2.1. Chương I: Những quy định chung** (Gồm 04 Điều: Từ Điều 1 đến Điều 4)

- Phạm vi điều chỉnh;
- Đối tượng áp dụng;
- Nguyên tắc bảo vệ bí mật nhà nước;
- Các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ bí mật nhà nước.

**2.2. Chương II: Hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước** (Gồm 12 Điều: Từ Điều 5 đến Điều 17)

- Xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước;
- Sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước;
- Thống kê, lưu giữ, bảo quản tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước;
- Vận chuyển, giao nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước;
- Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ;
- Cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức người Việt Nam được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước;
- Cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài;
- Hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước;
- Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước, gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước, điều chỉnh độ mật, giải mật;
- Tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước;
- Sử dụng biểu mẫu bí mật nhà nước;
- Kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước;
- Kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước.

**2.3. Chương III: Trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước** (Gồm 03 điều: Từ Điều 18 đến Điều 20)

- Trách nhiệm của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Trách nhiệm của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Trách nhiệm của người tiếp cận, người trực tiếp quản lý bí mật nhà nước.

#### **2.4. Chương IV: Tổ chức thực hiện** (Gồm 01 Điều: Điều 21)

Điều khoản thi hành.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết và dự thảo Quy chế)

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Thông tin - Dân nguyện.(H)

**TM. BAN PHÁP CHẾ  
TRƯỞNG BAN**

**Võ Minh Hoàng**

Số: /2022/NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng năm 2022

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước  
của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG  
KHÓA X KỲ HỌP THỨ ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành Văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 24/2020/TT/BCA ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Bộ  
trưởng Bộ Công an ban hành biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà  
nước;*

*Xét Tờ trình số ...../TTr-PC ngày ..... tháng .... năm 202... của Ban Pháp  
chế Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành Quy chế bảo vệ bí mật  
nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban  
.....; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ  
họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước  
của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang.

**Điều 2.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân  
tỉnh, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu  
Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh cùng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên  
quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa X Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ..... tháng ..... năm 202... và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm .....

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Công an;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp - Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng;
- Ban Cơ yếu Chính phủ;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú Thông tấn xã Việt Nam tại An Giang, Báo Nhân dân tại An Giang, Truyền hình Quốc hội tại tỉnh An Giang;
- Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm Công báo - Tin học;- Cổng thông tin điện tử Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Thông tin - Dân nguyện.(H)

**CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Nung**



**DỰ THẢO**

**QUY CHẾ**

**Bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang**

(Kèm theo Nghị quyết số ...../20.../NQ-HĐND ngày ..... tháng ..... năm 202...  
của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định về hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước; trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với công tác bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang.

2. Những nội dung không được quy định trong Quy chế này thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành có liên quan về bảo vệ bí mật nhà nước.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang.

**Điều 3. Nguyên tắc bảo vệ bí mật nhà nước**

1. Bảo vệ bí mật nhà nước phải tuân thủ sự lãnh đạo của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nhằm phục vụ nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế của đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Bảo vệ bí mật nhà nước là trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Việc quản lý, sử dụng bí mật nhà nước thuộc trách nhiệm của Hội đồng nhân dân tỉnh phải bảo đảm đúng mục đích, thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải chủ động phòng ngừa; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước thuộc trách nhiệm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Bí mật nhà nước thuộc trách nhiệm của Hội đồng nhân dân tỉnh được bảo vệ theo thời hạn quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân theo quy định của pháp luật.

**Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ bí mật nhà nước**

Các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo Điều 5 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.

**Chương II****HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC****Điều 5. Xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước**

1. Việc xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 10 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018, Điều 2 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 26/2020/NĐ-CP).

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm xác định bí mật nhà nước, độ mật của bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc thông tin thuộc danh mục bảo vệ bí mật nhà nước được tiếp nhận từ các cá nhân, tổ chức khác nhưng chưa được xác định là bí mật nhà nước để quản lý, bảo vệ theo quy định.

3. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh có thể ủy quyền cho các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước đối với những thông tin thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách; việc ủy quyền phải thể hiện bằng văn bản.

4. Các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh được ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước đối với những thông tin thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách theo các quy định của pháp luật.

5. Độ mật của bí mật nhà nước được thể hiện bằng dấu chỉ độ mật, văn bản xác định độ mật. Đối với vật, địa điểm, lời nói, hoạt động hoặc hình thức khác chứa bí mật nhà nước mà không thể đóng dấu độ mật được thì các cá nhân được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này chịu trách nhiệm về phát ngôn (lời nói), phải có văn bản xác định độ mật của vật, địa điểm, lời nói, hoạt động hoặc hình thức khác chứa bí mật nhà nước theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2020/TT-BCA ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Trưởng Bộ Công an ban hành biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

**Điều 6. Sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước**

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước trong hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh độ Tuyệt mật.

2. Những người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Tối mật, bao gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh;
- b) Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- c) Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Mật, bao gồm:

- a) Những người được quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Trưởng các phòng thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này có thể ủy quyền cho cấp phó thực hiện thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước. Việc ủy quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được thực hiện thường xuyên hoặc theo từng trường hợp cụ thể và phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn ủy quyền.

Cấp phó được ủy quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải chịu trách nhiệm về quyết định cho phép sao, chụp của mình trước cấp trưởng và trước pháp luật. Người được ủy quyền không được ủy quyền tiếp cho người khác.

5. Người được giao thực hiện việc sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh phải là cán bộ, công chức hoặc người làm công tác liên quan đến bí mật nhà nước.

6. Việc sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP.

#### **Điều 7. Thống kê, lưu giữ, bảo quản tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước**

1. Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước khi tiếp nhận, phát hành phải được thống kê theo trình tự thời gian và độ mật.

2. Bí mật nhà nước chứa trong thiết bị có tính năng lưu giữ, sao, chụp, phải được bảo vệ bằng biện pháp thích hợp bảo đảm an toàn.

3. Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải được lưu giữ, bảo quản ở nơi an toàn và có phương án bảo vệ.

#### **Điều 8. Vận chuyển, giao nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước**

1. Việc vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước do người làm công tác liên quan đến bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc người làm công tác văn thư của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh đảm nhiệm và thực hiện.

2. Vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải thực hiện theo nguyên tắc giữ kín, niêm phong. Trong quá trình vận chuyển tài liệu.

vật chứa bí mật nhà nước phải có biện pháp bảo quản, bảo đảm an toàn; trường hợp cần thiết phải có lực lượng bảo vệ. Vận chuyển tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước qua dịch vụ bưu chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về bưu chính.

3. Việc giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 4 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP.

### **Điều 9. Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ**

1. Việc mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ để phục vụ công tác ở trong nước phải được người đứng đầu hoặc cấp phó được ủy quyền của người đứng đầu được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 5 Quy chế này cho phép.

2. Việc mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ để phục vụ công tác ở nước ngoài phải được Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh được Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh ủy quyền cho phép và phải báo cáo Trưởng đoàn công tác.

3. Trong quá trình mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh ra khỏi nơi lưu giữ phải có biện pháp bảo quản, bảo đảm an toàn.

4. Trong thời gian mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ, nếu phát hiện bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh bị lộ, bị mất, người mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải báo cáo ngay với người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý, Trưởng đoàn công tác và Công an tỉnh để có biện pháp xử lý và khắc phục hậu quả.

5. Việc mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh ra khỏi nơi lưu giữ thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Nghị định số 26/2020/NĐ-CP.

### **Điều 10. Cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức người Việt Nam được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước**

1. Thẩm quyền quyết định việc cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, người Việt Nam được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật, Mật.

b) Những người quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy chế này quyết định cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước độ Tối mật, Mật.

c) Những người quy định tại khoản 3 Điều 5 của Quy chế này quyết định cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước độ Mật.

2. Việc cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh cho cơ quan, tổ chức, người Việt Nam được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

**Điều 11. Cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài**

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền quyết định việc cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước độ Tối mật, độ Mật thuộc phạm vi quản lý cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Bí mật nhà nước chỉ được cung cấp, chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia vào chương trình hợp tác quốc tế hoặc thi hành công vụ có liên quan đến bí mật nhà nước.

3. Việc cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 16 của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

**Điều 12. Hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước**

1. Việc tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan của Hội đồng nhân dân tỉnh phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Được sự đồng ý của người có thẩm quyền quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 5 của Quy chế này;

b) Thành phần tham dự là người được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan đến bí mật nhà nước.

c) Địa điểm tổ chức bảo đảm an toàn, không dễ bị lộ, bị mất bí mật nhà nước.

d) Sử dụng các phương tiện, thiết bị đáp ứng yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước.

đ) Có phương án bảo vệ hội nghị, hội thảo, cuộc họp.

e) Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải được thu hồi sau hội nghị, hội thảo, cuộc họp.

2. Người đứng đầu cơ quan quyết định tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước có trách nhiệm bảo đảm các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Người tham dự hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước có trách nhiệm bảo vệ và sử dụng bí mật nhà nước theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 và yêu cầu của Chủ trì hội nghị, hội thảo, cuộc họp.

4. Địa điểm tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp; sử dụng các phương tiện, thiết bị; phương án bảo vệ hội nghị, hội thảo, cuộc họp thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP.

**Điều 13. Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước, gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước, điều chỉnh độ mật, giải mật**

Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước, gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước, điều chỉnh độ mật, giải mật thực hiện theo quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.

**Điều 14. Tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước**

1. Tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước trong trường hợp sau:

- a) Khi không cần thiết phải lưu giữ và việc tiêu hủy không gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc;
- b) Nếu không tiêu hủy ngay sẽ gây nguy hại cho lợi ích quốc gia, dân tộc.

2. Việc tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Không để bị lộ, bị mất bí mật nhà nước;
- b) Quá trình tiêu hủy phải tác động vào tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước làm thay đổi hình dạng, tính năng, tác dụng;
- c) Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước sau khi tiêu hủy không thể phục hồi hình dạng, tính năng, tác dụng, nội dung.

3. Thẩm quyền tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước:

- a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, độ Tối mật và độ Mật;
- b) Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền cho phép tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước độ Tối mật, độ Mật;
- c) Người đang quản lý tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được quyền quyết định tiêu hủy trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này phải báo cáo bằng văn bản về việc tiêu hủy với người đứng đầu cơ quan trực tiếp quản lý.

4. Việc tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.

**Điều 15. Sử dụng biểu mẫu bí mật nhà nước**

1. Việc sử dụng biểu mẫu trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh phải bảo đảm đầy đủ nội dung, thống nhất về hình thức, kích thước được quy định cụ thể tại Điều 2 Thông tư số 24/2020/TT-BCA.

2. Mục dùng để đóng các loại dấu chỉ độ mật là mực màu đỏ.

3. Trường hợp sử dụng cơ sở dữ liệu để đăng ký, quản lý tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước trên máy tính phải bảo đảm đầy đủ nội dung theo mẫu quy định về sổ đăng ký bí mật nhà nước đi, đến theo quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BCA.

**Điều 16. Kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước**

1. Kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ bảo vệ bí mật nhà nước do ngân sách Nhà nước bảo đảm, theo phân cấp hiện hành và được bố trí trong dự toán kinh phí được giao hằng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Hàng năm, căn cứ vào yêu cầu công tác bảo vệ bí mật nhà nước, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tham mưu, giúp Hội đồng nhân dân tỉnh lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác bảo vệ bí mật nhà nước tổng hợp chung trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm đề nghị cơ quan có thẩm quyền xét duyệt để triển khai thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

**Điều 17. Kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước**

1. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tham mưu thực hiện việc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất trong lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước trong phạm vi quản lý của mình theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 24 và khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.

2. Người có hành vi vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước thì tùy theo tính chất của hành vi vi phạm mà xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Khi có khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Công an tỉnh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

### **Chương III**

#### **TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC**

**Điều 18. Trách nhiệm của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong các hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Tổ chức, chỉ đạo công tác giám sát việc thực hiện Luật Bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm:

a) Thực hiện bảo vệ bí mật nhà nước trong quá trình tổ chức các hoạt động theo phạm vi lĩnh vực phụ trách của Ban.

b) Tổ chức giám sát việc thực hiện Luật Bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện bảo vệ bí mật nhà nước trong hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018, các văn bản pháp luật liên quan, theo Quy chế này và hướng dẫn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

### **Điều 19. Trách nhiệm của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Giao Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tham mưu, giúp Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan về bảo vệ bí mật nhà nước;

2. Báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thông báo Công an tỉnh khi xảy ra lộ, mất bí mật nhà nước thuộc phạm vi quản lý để kịp thời có biện pháp giải quyết;

3. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh phân công công chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước và báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định;



4. Tổ chức thu hồi tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước khi người được phân công quản lý bí mật nhà nước thôi việc, chuyển công tác, nghỉ hưu, từ trần hoặc vì lý do khác mà không được phân công tiếp tục quản lý bí mật nhà nước.

**Điều 20. Trách nhiệm của người tiếp cận, người trực tiếp quản lý bí mật nhà nước**

Trách nhiệm của người tiếp cận, người trực tiếp quản lý bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo Điều 26 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 21. Điều khoản thi hành**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện Quy chế theo quy định.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có văn bản hướng dẫn quy định mới, có nội dung chưa phù hợp hoặc có phát sinh vướng mắc sẽ được sửa đổi, bổ sung; việc sửa đổi, bổ sung Quy chế do Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.